

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án phân bổ dự toán thực hiện chương trình mục tiêu giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn của tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 5288/BGDĐT-KHTC ngày 22/11/2018 và Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 679/TTr-SGDĐT ngày 16/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

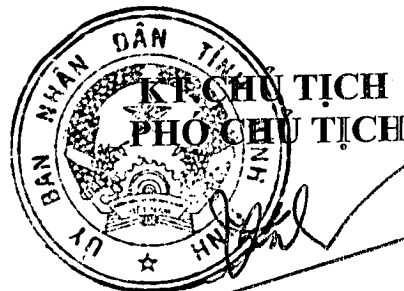
Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Phương án phân bổ dự toán thực hiện chương trình mục tiêu giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn của tỉnh Bình Định, giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện: Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Lão, Vân Canh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT;
- CT, PCT VX;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9. *me*



Nguyễn Tuấn Thanh

PHƯƠNG ÁN

**Phân bổ dự toán thực hiện Chương trình mục tiêu
Giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn
giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Định**

(Kèm theo Quyết định số 1435/QĐUBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-TTg ngày 27/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 86/2018/TT-BTC ngày 18/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 5288/BGDDĐT-KHTC ngày 22/11/2018; Công văn số 5920/BGDDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020;

UBND tỉnh lập phương án phân bổ dự toán kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Định như sau:

I. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ:

1. Về thực trạng các trường Phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh:

- Hiện nay trong toàn tỉnh có 08 trường Phổ thông dân tộc bán trú; cụ thể như sau:

+ Huyện Vân Canh (02 trường): trường Phổ thông dân tộc bán trú Canh Liên, trường trung học cơ sở bán trú Canh Thuận;

+ Huyện Vĩnh Thạnh (02 trường): trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vĩnh Sơn, trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở Vĩnh Kim;

+ Huyện Tây Sơn (01 trường): trường Phổ thông dân tộc bán trú Tây Sơn;

+ Huyện An Lão (03 trường): trường Phổ thông dân tộc bán trú Đình Ruồi, trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng, trường Phổ thông dân tộc bán trú Đình Nĩ;

- Năm học 2018-2019 số học sinh dân tộc thiểu số học bán trú là 1.522 học sinh. Từ năm học 2019-2020 toàn tỉnh sẽ có 07 trường, giảm 01 trường là trường Phổ thông dân tộc bán trú Đình Nĩ đóng trên địa bàn xã An Dũng (huyện An Lão) nằm trong

vùng thuộc dự án hồ thủy lợi Đồng Mít do Trung ương thực hiện nên trường này được sát nhập với trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng;

2. Dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020:

Dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Định được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo là: 26, 813 triệu đồng (theo Công văn số 5920/BGDĐT-KHTC ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó: Giai đoạn 2016-2019 là: 16,223 triệu đồng, giai đoạn năm 2020: 10,590 triệu đồng; tương ứng với nguồn vốn này Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao nhiệm vụ Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Bình Định (theo Công văn số 5288/BGDĐT-KHTC ngày 22/11/2018) là:

- Nhiệm vụ 1: 04 trường phổ thông dân tộc bán trú được bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế;

- Nhiệm vụ 2: 04 nhà ăn, nhà bếp của 04 trường phổ thông dân tộc bán trú được bổ sung thiết bị, đồ dùng;

- Nhiệm vụ 3: 04 khu nội trú của 04 trường phổ thông dân tộc bán trú được bổ sung bổ sung thiết bị, đồ dùng;

- Nhiệm vụ 4: 02 nhà ăn, nhà bếp của 02 trường phổ thông dân tộc bán trú được sửa chữa, cải tạo;

- Nhiệm vụ 5: 02 khu nội trú của 02 trường phổ thông dân tộc bán trú được sửa chữa, cải tạo.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành khảo sát thực tế tại 07 trường Phổ thông dân tộc bán trú trong toàn tỉnh đã xác định cụ thể các nhiệm vụ như sau:

- 04 trường được thực hiện nhiệm vụ 1 đến nhiệm vụ 3 là: trường Phổ thông dân tộc bán trú Canh Liên, trường THCS bán trú Canh Thuận (huyện Vân Canh), trường Phổ thông dân tộc bán trú Tây Sơn (huyện Tây Sơn), trường Phổ thông dân tộc bán trú Đinh Ruối (huyện An Lão); Với số lượng mặt hàng cần mua sắm:

+ Nhiệm vụ 1: Bàn ghế học sinh bằng gỗ 2 chỗ ngồi: 1.136 bộ (năm 2016: 138 bộ, năm 2019: 726 bộ, năm 2020: 272 bộ); Tivi Smart 55 inch trở lên phục vụ giảng dạy: 56 cái (năm 2019: 32 cái, năm 2020: 24 cái); Máy vi tính thực hành: 288 bộ (năm 2019: 192 bộ, năm 2020: 96 bộ), thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học cấp THCS : 8 phòng (2019: 4 phòng, 2020: 4 phòng).

+ Nhiệm vụ 2: Tủ lạnh bảo quản thực phẩm: 16 cái (năm 2019: 16 cái); Tủ com công nghiệp: 12 cái (năm 2019: 8 cái, năm 2020: 4 cái); bàn ghế nhà ăn bằng Inox: 20 bộ (năm 2019: 20 bộ).

+ Nhiệm vụ 3: Giường nằm 2 tầng bằng sắt: 143 cái (năm 2019: 43 cái, năm 2020: 100 cái); Tủ đựng đồ học sinh bằng sắt: 100 cái (năm 2019: 50 cái, năm 2020: 50 cái); Tivi dùng chung của khu nội trú: 16 cái (năm 2019: 8 cái, năm 2020: 8 cái).

- 02 trường được thực hiện nhiệm vụ 4 là: trường Phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Vĩnh Sơn (huyện Vĩnh Thạnh), trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng (huyện An Lão); Với công trình sửa chữa cải tạo nhà ăn, nhà bếp (sửa chữa cửa, mái, la phong, lát gạch nền, ốp gạch tường, khu vực chế biến thức ăn, sửa chữa toàn bộ hệ thống điện, nước...).

- 02 trường được thực hiện nhiệm vụ 5 là: trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở Vĩnh Kim (huyện Vĩnh Thạnh), trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng (huyện An Lão); Với công trình sửa chữa cải tạo khu nội trú (sửa chữa cửa, mái, la phong, lát gạch nền 10 phòng ở khu nội trú, sửa chữa toàn bộ hệ thống điện, nước...).

2. Với các nhiệm vụ trên của 07 trường phổ thông dân tộc bán trú trong toàn tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn của cả giai đoạn 2016-2020 là: 26, 813 triệu đồng, chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 19.567 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 7.246 triệu đồng; chi tiết vốn theo trường:

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng: 4.360 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 3.516 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 844 triệu đồng.

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Đình Ruối: 5.018 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 3.477 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 1.541 triệu đồng.

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vĩnh Sơn: 2.387 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.937 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 450 triệu đồng.

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Vĩnh Kim: 2.000 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.600 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 400 triệu đồng.

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Canh Liên: 4.360 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 3.023 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 1.337 triệu đồng.

- Trường THCS bán trú Canh Thuận: 4.258 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 2.921 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 1.337 triệu đồng.

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tây Sơn: 4.430 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 3.093 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 1.337 triệu đồng.

* Chi tiết theo năm:

- Năm 2016: 621 triệu đồng, Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 467 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 154 triệu đồng, đã thực hiện mua sắm bàn ghế bằng gỗ 02 chỗ ngồi của trường Phổ thông dân tộc bán trú Đình Ruối

- **Năm 2019:** 15,602 triệu đồng, chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 11.700 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 3.902 triệu đồng; chi tiết vốn theo trường bao gồm:

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng: 2.392 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.938 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 454 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Đinh Ruôi: 2.734 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.947 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 787 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Vĩnh Sơn: 2.387 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.937 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 450 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Canh Liên: 2.697 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.960 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 737 triệu đồng

+ Trường THCS bán trú Canh Thuận: 2.610 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.873 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 737 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tây Sơn: 2.782 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 2.045 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 737 triệu đồng

- **Năm 2020:** 10,590 triệu đồng, chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 7.400 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 3.190 triệu đồng; chi tiết vốn theo trường bao gồm:

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung - Hưng: 1.968 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.578 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 390 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Đinh Ruôi: 1.663 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.063 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 600 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Vĩnh Kim: 2.000 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.600 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 400 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Canh Liên: 1.663 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.063 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 600 triệu đồng

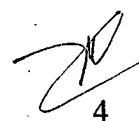
+ Trường THCS bán trú Canh Thuận: 1.648 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.048 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 600 triệu đồng

+ Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tây Sơn: 1.648 triệu đồng.

Chia ra: Vốn ngân sách trung ương: 1.048 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương: 600 triệu đồng

(Danh mục chi tiết có phụ lục đính kèm)



II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm:

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện Phương án; thực hiện quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Tổ chức triển khai việc mua sắm trang thiết bị, xây dựng thực hiện theo Luật Đầu tư công; Luật đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

- Định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, 1 năm) báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Phương án đảm bảo đạt kết quả tốt và đúng quy định hiện hành của Nhà nước./.



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC TỔNG HỢP

CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CTMT GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG DTTS VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ- UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chi ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
I	TỔNG CỘNG; trong đó				26.813.000	19.567.000	7.246.000	
a	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019:				16.223.000	12.167.000	4.056.000	
b	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn năm 2020:				10.590.000	7.400.000	3.190.000	
II	KẾ HOẠCH CHI TIẾT							
a	KẾ HOẠCH TỔNG HỢP 2016-2019				16.223.000	12.167.000	4.056.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				9.320.000	6.168.000	3.152.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	864	3.888.000	2.536.000	1.352.000	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	32	944.000	944.000	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	192	2.688.000	2.688.000	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	4	1.800.000	-	1.800.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				1.480.000	1.480.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	16	160.000	160.000	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	8	1.120.000	1.120.000	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	20	200.000	200.000	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				644.000	644.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	43	258.000	258.000	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	50	150.000	150.000	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	8	236.000	236.000	-	
				-	-	-	-	



[Handwritten signature]

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chí ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				4.779.000	3.875.000	904.000	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		2	4.779.000	3.875.000	904.000	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)							
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (05 phòng)	CT		-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	KẾ HOẠCH CHI TIẾT THEO NĂM							
*	NĂM 2016			-	621.000	467.000	154.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				621.000	467.000	154.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	138	621.000	467.000	154.000	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái		-	-	-	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ		-	-	-	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp							
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ com công nghiệp	Cái		-	-	-	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú							
1	Giường nằm 2 tầng	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái		-	-	-	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)							

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chỉ ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT		-	-	-	-	
*	NĂM 2017					-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh					-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ		-	-	-	-	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái		-	-	-	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ						
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Bộ		-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái		-	-	-	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ		-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú					-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái		-	-	-	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái		-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)					-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)					-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT		-	-	-	-	



Handwritten signature/initials.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chi ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
				-	-	-	-	
*	NĂM 2018				-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ		-	-	-	-	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái		-	-	-	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ						
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Bộ		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái		-	-	-	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái		-	-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái		-	-	-	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la thông, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh	CT		-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT						
				-	-	-	-	
*	NĂM 2019				15.602.000	11.700.000	3.902.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				8.699.000	5.701.000	2.998.000	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (đự kiến)	Chi ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	726	3.267.000	2.069.000	1.198.000	
2	Ti Vi Smart 65 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	32	944.000	944.000	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	192	2.688.000	2.688.000	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	4	1.800.000	-	1.800.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				1.480.000	1.480.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	16	160.000	160.000	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	8	1.120.000	1.120.000	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	20	200.000	200.000	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				644.000	644.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	43	258.000	258.000	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	50	150.000	150.000	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	8	236.000	236.000	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			2	4.779.000	3.875.000	904.000	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		2	4.779.000	3.875.000	904.000	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
b	KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020				10.590.000	7.400.000	3.190.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				5.076.000	3.276.000	1.800.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	272	1.224.000	1.224.000	-	
2	Ti Vi Smart 55 inch trở lên (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	24	708.000	708.000	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	96	1.344.000	1.344.000	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	4	1.800.000	-	1.800.000	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Tổng số				Ghi chú
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chí ra		
						Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	
a	b	1		2	3	4	5	34
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				560.000	560.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	-	-	-	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	4	560.000	560.000	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ	10.000	-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				986.000	386.000	600.000	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	100	600.000	-	600.000	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	50	150.000	150.000	-	
3	Tì vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	8	236.000	236.000	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la thông, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la thông, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			2	3.968.000	3.178.000	790.000	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT		1	1.968.000	1.578.000	390.000	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT		1	2.000.000	1.600.000	400.000	

PHỤ LỤC TỔNG HỢP

CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CTMT GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG DTTS VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trường PTDTBT thuộc Huyện Tây Sơn

(Kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
I	TỔNG CỘNG; trong đó			-	4.430.000	3.093.000	1.337.000	
a	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019:			-	2.782.000	2.045.000	737.000	
b	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn năm 2020:			-	1.648.000	1.048.000	600.000	
II	KẾ HOẠCH CHI TIẾT							
a	KẾ HOẠCH TỔNG HỢP 2016-2019			-	2.782.000	2.045.000	737.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				2.213.000	1.476.000	737.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	190	855.000	568.000	287.000	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	8	236.000	236.000	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	48	672.000	672.000	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	1	450.000	-	450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				420.000	420.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	4	40.000	40.000	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	2	280.000	280.000	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	10	100.000	100.000	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				149.000	149.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	10	60.000	60.000	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	10	30.000	30.000	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	2	59.000	59.000	-	



[Handwritten signature]

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSĐP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)							
	Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-	-	-	
				-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)							
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (05 phòng)	CT		-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT		-	-	-	-	
*	KẾ HOẠCH CHI TIẾT THEO NĂM							
*	NĂM 2016							
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ						
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái						
3	Máy vi tính thực hành	Bộ						
	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng						
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái						
2	Tủ com công nghiệp	Cái						
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ						
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái						
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái						
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái						
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	

(Chữ ký)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT						
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT						
*	NĂM 2017			-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ						
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái						
3	Máy vi tính thực hành	Bộ						
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái						
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái						
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ						
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng						
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái						
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái						
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái						
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT						
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT						



Handwritten signature/initials.

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
*	NĂM 2018			-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ						
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái						
3	Máy vi tính thực hành	Bộ						
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng						
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái						
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái						
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ						
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái						
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái						
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái						
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la thông, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT						
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh	CT						
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT						
*	NĂM 2019				2.782.000	2.045.000	737.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				2.213.000	1.476.000	737.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	190	855.000	568.000	287.000	
2	Ti Vi Smart 65 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	8	236.000	236.000		

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	48	672.000	672.000		
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	1	450.000		450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				420.000	420.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	4	40.000	40.000		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	2	280.000	280.000		
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	10	100.000	100.000		
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				149.000	149.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	10	60.000	60.000		
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	10	30.000	30.000		
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	2	59.000	59.000		
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-	-			
					-			
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT		-	-			
					-			
b	KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020			-	1.648.000	1.048.000	600.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				1.269.000	819.000	450.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	68	306.000	306.000		
2	Ti Vi Smart 55 inch trở lên (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	6	177.000	177.000		
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	24	336.000	336.000		
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	1	450.000		450.000	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị				Ghi chú
				Huyện Tây Sơn				
				Trường PTDTBT Tây Sơn				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác							
a	b	1		30	31	32	33	34
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				140.000	140.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000		-	-		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	1	140.000	140.000		
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000		-	-		
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				239.000	89.000	150.000	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	25	150.000		150.000	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	10	30.000	30.000		
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	2	59.000	59.000		
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-				
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		-				
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT		-				
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT		-				

PHỤ LỤC TỔNG HỢP

CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CTMT GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG ĐTTT VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Các trường PTDTBT thuộc Huyện Vĩnh Thạnh

(Kèm theo Quyết định số **1435** /QĐ-UBND ngày **25**/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		14	15	16	17	18	19	20	21	34
I	TỔNG CỘNG; trong đó			-	2.387.000	1.937.000	450.000	-	2.000.000	1.600.000	400.000	
a	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019:			-	2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	
b	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn năm 2020:			-	-	-	-	-	2.000.000	1.600.000	400.000	
II	KẾ HOẠCH CHI TIẾT											
a	KẾ HOẠCH TỔNG HỢP 2016-2019				2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-		-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-		-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	-	-	-	-	-	-	-	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			1	2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	c		14	15	16	17	18	19	20	21	34
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		1	2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (05 phòng)	CT		-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT										
*	KẾ HOẠCH CHI TIẾT THEO NĂM											
*	NĂM 2016											
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500									
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT										
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT										
*	NĂM 2017			-	-	-	-	-	-	-	-	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		14	15	16	17	18	19	20	21	34
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ										
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT										
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT										
*	NĂM 2018			-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ										
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		14	15	16	17	18	19	20	21	34
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-		-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái							-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái						-				
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái						-				
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT						-				
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh	CT						-				
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT										
*	NĂM 2019				2.387.000	1.937.000	450.000		-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500		-				-			
2	Ti Vi Smart 65 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500		-				-			
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000		-				-			
4	Thiết bị phòng học ngoại ngữ	Phòng	450.000		-				-			
	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học											
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-		-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000						-			
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000						-			
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000						-			
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-		-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000						-			
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000						-			
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500						-			
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		1	2.387.000	1.937.000	450.000	-	-	-	-	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		14	15	16	17	18	19	20	21	34
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-		-	-	-	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT			-				-			
b	KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020			-	-	-	-	-	2.000.000	1.600.000	400.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500		-				-			
2	Ti Vi Smart 55 inch trở lên (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500		-				-			
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000		-				-			
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000		-				-			
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-		-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	-	-			-	-	-		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000		-				-			
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ	10.000		-				-			
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-		-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000						-			
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000					-	-			
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500						-			
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-				-			
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-							
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-		2.000.000	1.600.000	400.000	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT			-							

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vĩnh Thạnh								
				Trường PTDTBT THCS Vĩnh Sơn				Trường PTDTBT TH và THCS Vĩnh Kim				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		14	15	16	17	18	19	20	21	34
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT						1	2.000.000	1.600.000	400.000	

[illegible]

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vân Canh								
				Trường PTDTBT Canh Liên				Trường THCS bán trú Canh Thuận				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		22	23	24	25	26	27	28	29	34
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ com công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	-Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT										
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT										
*	NĂM 2018			-	-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ										
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ com công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Văn Canh								
				Trường PTDTBT Canh Liên				Trường THCS bán trú Canh Thuận				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		22	23	24	25	26	27	28	29	34
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-							
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh	CT			-				-		-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT							-			
*	NĂM 2019				2.697.000	1.960.000	737.000		2.610.000	1.873.000	737.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				2.168.000	1.431.000	737.000		2.150.000	1.413.000	737.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	180	810.000	523.000	287.000	176	792.000	505.000	287.000	
2	Ti Vi Smart 65 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	8	236.000	236.000		8	236.000	236.000		
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	48	672.000	672.000		48	672.000	672.000		
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	1	450.000		450.000	1	450.000		450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				320.000	320.000	-	6	320.000	320.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	4	40.000	40.000		4	40.000	40.000		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	2	280.000	280.000		2	280.000	280.000		
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	-	-	-		-	-	-		
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				209.000	209.000	-	21	140.000	140.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	15	90.000	90.000		8	48.000	48.000		
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	20	60.000	60.000		11	33.000	33.000		
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	2	59.000	59.000		2	59.000	59.000		
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-				-			
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT			-				-			
b	KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020			-	1.663.000	1.063.000	600.000	-	1.648.000	1.048.000	600.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				1.269.000	819.000	450.000		1.269.000	819.000	450.000	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện Vân Canh								
				Trường PTDTBT Canh Liên				Trường THCS bán trú Canh Thuận				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		22	23	24	25	26	27	28	29	34
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	68	306.000	306.000		68	306.000	306.000		
2	Ti Vi Smart 55 inch trở lên (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	6	177.000	177.000		6	177.000	177.000		
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	24	336.000	336.000		24	336.000	336.000		
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	1	450.000		450.000	1	450.000		450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				140.000	140.000	-		140.000	140.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000		-	-			-	-		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	1	140.000	140.000		1	140.000	140.000		
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000		-	-			-	-		
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				254.000	104.000	150.000		239.000	89.000	150.000	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	25	150.000		150.000	25	150.000	-	150.000	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	15	45.000	45.000		10	30.000	30.000		
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	2	59.000	59.000		2	59.000	59.000		
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-				-			
	Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT			-				-			
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT			-				-			
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT			-				-			

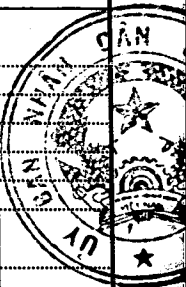
PHỤ LỤC TỔNG HỢP

CÁC NHIỆM VỤ THUỘC CTMT GIÁO DỤC MIỀN NÚI, VÙNG DTTS VÙNG KHÓ KHĂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Các trường PTDTBT thuộc Huyện An Lão
(Kèm theo Quyết định số 1435 /QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện An Lão								
				Trường PTDTBT Trung Hưng				Trường PTDTBT Đinh Ruối				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		6	7	8	9	10	11	12	13	34
I	TỔNG CỘNG; trong đó			-	4.360.000	3.516.000	844.000	-	5.018.000	3.477.000	1.541.000	
a	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn 2016-2019:			-	2.392.000	1.938.000	454.000		3.355.000	2.414.000	941.000	
b	Kế hoạch, nhiệm vụ giai đoạn năm 2020:			-	1.968.000	1.578.000	390.000	-	1.663.000	1.063.000	600.000	
II	KẾ HOẠCH CHI TIẾT											
a	KẾ HOẠCH TỔNG HỢP 2016-2019				2.392.000	1.938.000	454.000	-	3.355.000	2.414.000	941.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		2.789.000	1.848.000	941.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	-	-	-	-	318	1.431.000	940.000	491.000	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500	-	-	-	-	8	236.000	236.000	-	
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000	-	-	-	-	48	672.000	672.000	-	
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000	-	-	-	-	1	450.000	-	450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-		420.000	420.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000	-	-	-	-	4	40.000	40.000	-	
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000	-	-	-	-	2	280.000	280.000	-	
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000	-	-	-	-	10	100.000	100.000	-	
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-		146.000	146.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000	-	-	-	-	10	60.000	60.000	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000	-	-	-	-	9	27.000	27.000	-	
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500	-	-	-	-	2	59.000	59.000	-	
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			1	2.392.000	1.938.000	454.000		-	-	-	
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		1	2.392.000	1.938.000	454.000	-	-	-	-	
				-	-	-	-	-	-	-	-	



[Handwritten signature]

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện An Lão								
				Trường PTDTBT Trung Hưng				Trường PTDTBT Đình Ruối				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		6	7	8	9	10	11	12	13	34
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-		-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (05 phòng)	CT		-	-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT		-								
*	KẾ HOACH CHI TIẾT THEO NĂM											
*	NĂM 2016				-	-	-		621.000	467.000	154.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-		621.000	467.000	154.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500	-				138	621.000	467.000	154.000	
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái							-			
3	Máy vi tính thực hành	Bộ							-			
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng							-			
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp			-	-	-	-		-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái							-			
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái							-			
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ							-			
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú			-	-	-	-		-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái		-	-	-	-		-	-	-	
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái							-			
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái							-			
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-		-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT							-	-	-	
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)			-	-	-	-		-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT							-	-	-	
*	NĂM 2017				-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh			-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ										
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện An Lão								
				Trường PTDTBT Trung Hưng				Trường PTDTBT Đinh Ruối				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến)	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSĐP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSĐP và khác									
a	b	1		6	7	8	9	10	11	12	13	34
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phong, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT										
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	- Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh 05 phòng	CT										
*	NĂM 2018				-	-	-	-	-	-	-	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-	-	-	-	-	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ										
2	Ti Vi Smart 55 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái										
3	Máy vi tính thực hành	Bộ										
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng										
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-	-	-	-	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái										
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái										
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn. 10 ghế)	Bộ										
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-	-	-	-	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái										
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái										
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái										
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	



STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi tiết theo đơn vị								Ghi chú
				Huyện An Lão								
				Trường PTDTBT Trung Hưng				Trường PTDTBT Đình Ruối				
				Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		Số lượng	Kinh phí (dự kiến	Chia ra		
Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác	Vốn NS TW	Vốn NSDP và khác									
a	b	1		6	7	8	9	10	11	12	13	34
	Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT							-	-		
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh	CT										
	Sửa chữa nhà ở khu nội trú học sinh (10 phòng)	CT										
*	NĂM 2019				2.392.000	1.938.000	454.000		2.734.000	1.947.000	787.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		2.168.000	1.381.000	787.000	
1	Bàn, ghế học sinh bằng gỗ 02 chỗ ngồi đúng quy chuẩn	Bộ	4.500		-			180	810.000	473.000	337.000	
2	Ti Vi Smart 65 inch (Phục vụ giảng dạy)	Cái	29.500		-			8	236.000	236.000		
3	Máy vi tính thực hành	Bộ	14.000		-			48	672.000	672.000		
4	Thiết bị thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học	Phòng	450.000		-			1	450.000		450.000	
*	Nhiệm vụ 2: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng nhà ăn, nhà bếp				-	-	-		420.000	420.000	-	
1	Tủ lạnh bảo quản thực phẩm	Cái	10.000		-			4	40.000	40.000		
2	Tủ cơm công nghiệp	Cái	140.000		-			2	280.000	280.000		
3	Bàn, ghế nhà ăn bằng Inox (01 bàn, 10 ghế)	Bộ	10.000		-			10	100.000	100.000		
*	Nhiệm vụ 3: Bổ sung trang thiết bị đồ dùng khu nội trú				-	-	-		146.000	146.000	-	
1	Giường nằm 2 tầng	Cái	6.000		-			10	60.000	60.000		
2	Tủ sắt đựng đồ học sinh	Cái	3.000		-			9	27.000	27.000		
3	Ti vi dùng chung của khu nội trú	Cái	29.500		-			2	59.000	59.000		
*	Nhiệm vụ 4: Sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp (chi tiết theo từng nội dung)				2.392.000	1.938.000	454.000	-	-	-	-	
	- Sửa chữa (cửa, mái, la phòng, nền), ốp gạch khu vực chế biến thức ăn, bắt lại hệ thống nước, điện tại khu vực trên	CT		1	2.392.000	1.938.000	454.000					
*	Nhiệm vụ 5: Sửa chữa, cải tạo khu nội trú (chi tiết theo từng nội dung)				-	-	-	-	-	-	-	
	Sửa chữa mặt bằng sân bê tông, Hệ thống thoát nước, sửa chữa 8 phòng ở học sinh	CT										
b	KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2020				1.968.000	1.578.000	390.000	-	1.663.000	1.063.000	600.000	
*	Nhiệm vụ 1: Mua sắm bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế học sinh				-	-	-		1.269.000	819.000	450.000	

[illegible]